

VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT
NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

VIỆN TÀI NGUYÊN DI TRUYỀN
THỰC VẬT QUỐC TẾ

TÀI NGUYÊN DI TRUYỀN THỰC VẬT Ở VIỆT NAM



CÁC BÁO CÁO TẠI HỘI THẢO QUỐC GIA VỀ
TĂNG CƯỜNG CHƯƠNG TRÌNH TÀI NGUYÊN DI TRUYỀN THỰC VẬT Ở VIỆT NAM

Hà Nội, 28 - 30/3/1995

Cuốn sách này được xuất bản với sự tài trợ của
VIỆN TÀI NGUYÊN DI TRUYỀN THỰC VẬT QUỐC TẾ

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
HÀ NỘI - 1996

05
Vt 2001 AKL
0.51u bên

Ban biên tập:

PGS.PTS. NGUYỄN HỮU NGHĨA - VIỆN KHKT NN VIỆT NAM
GS.PTS. NGUYỄN ĐĂNG KHÔI - VIỆN KHKT NN VIỆT NAM
VS.TS. TRẦN ĐÌNH LONG - VIỆN KHKT NN VIỆT NAM
KS. ĐẬU QUỐC ANH - VIỆN KHKT NN VIỆT NAM
TS. KENNETH W.RILEY - IPGRI
TS. V. RAMANATHA RAO - IPGRI
TS. PAUL QUEK - IPGRI

TÀI NGUYÊN DI TRUYỀN THỰC VẬT Ở VIỆT NAM
(Các báo cáo khoa học tại Hội thảo quốc gia
"Tăng cường chương trình TNDTTV ở Việt Nam" Hà nội, 28 - 30/3/1995)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời tựa	5
	<i>TS. Stephen Tyler, TS. Kenneth W. Riley</i>
1. Lời nói đầu.	7
	<i>PGS. PTS. Nguyễn Hữu Nghĩa</i>
2. Diễn văn khai mạc hội thảo.	8
	<i>GS. Lê Quý An</i>
3. Báo cáo của Ban chủ nhiệm dự án.	10
	<i>GS. PTS. Nguyễn Đăng Khôi</i>
4. Một số gợi ý về quan điểm xây dựng chương trình TNDTTV quốc gia Việt Nam.	27
	<i>TS. David Wood</i>
5. Những vấn đề then chốt để xây dựng hệ thống mạng lưới tài nguyên di truyền thực vật có hiệu quả	41
	<i>TS. K.W. Riley và TS. V.R. Rao</i>
6. Một số ý kiến về hoạt động của công tác lưu giữ nguồn gen thực vật trong những năm qua.	47
	<i>PTS. Đào Hạp</i>
7. Bảo tồn nguồn gen thực vật một trong những nhiệm vụ quan trọng trong bảo vệ tính đa dạng sinh học.	51
	<i>Trần Thị Nhu</i>
8. Chiến lược bảo tồn và sử dụng nguồn tài nguyên di truyền cây trồng Việt Nam	54
	<i>TS. VS. Trần Đình Long</i>
9. Chiến lược bảo tồn nguồn gen các loài cây rừng ở Việt Nam.	61
	<i>PTS. Nguyễn Hoàng Nghĩa</i>
10. Nguồn tài nguyên di truyền cây thuốc Việt Nam.	70
	<i>PGS. PTS. Lê Tùng Châu</i>
11. Bảo tồn đa dạng di truyền và cải thiện giống cây rừng.	77
	<i>PGS. PTS. Lê Đình Khả</i>
12. Các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên với TNDTTV ở Việt Nam.	82
	<i>PTS. Trần Đình Đán</i>
13. Đánh giá về giá trị nguồn gen cây có ích vườn quốc gia Cúc Phương.	84
	<i>PTS. Nguyễn Nghĩa Thìn</i>
14. Tóm tắt báo cáo sử dụng và bảo tồn nguồn cây thuốc tại vườn quốc gia Ba Vì	86
	<i>GS. TS. Lê Thế Trung</i>
15. Bảo tồn một số cây thuốc quý hiếm bị đe dọa ở Việt Nam	87
	<i>Cử nhân Nguyễn Tập</i>
16. Vai trò của dược liệu trong y học cổ truyền.	93
	<i>GS. Hoàng Bảo Châu</i>
17. Sử dụng và bảo tồn tài nguyên di truyền cây thuốc ở Việt Nam.	97
	<i>KS. Trần Khắc Bảo</i>
18. Sự cần thiết phải bảo vệ các nguồn gen thực vật ở Việt Nam.	104
	<i>GS.TS. Nguyễn Văn Trương</i>

19. Đa dạng sinh học - Các hệ thống nông nghiệp và sự phát triển bền vững.	107
<i>GS.VS. Đào Thế Tuấn, PGS.PTS. Lưu Ngọc Trinh</i>	
20. Bảo tồn và làm phong phú các loài thực vật ở nước ta.	112
<i>GS. VS. Vũ Tuyên Hoàng</i>	
21. Sự đóng góp quỹ gen của cây trồng cận đối với sản xuất lương thực ở Việt Nam	114
<i>PGS.PTS. Mai Văn Quyền, PTS. Hoàng Kim</i>	
22. Sự đa dạng di truyền lúa Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.	118
<i>PGS.PTS. Lưu Ngọc Trinh, GS. VS. Đào Thế Tuấn</i>	
23. Bảo quản và sử dụng quỹ gen cây lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long.	129
<i>PTS. Bùi Chí Bửu</i>	
24. Nghiên cứu và sử dụng tập đoàn giống ngô ở Việt Nam.	135
<i>PTS. Ngô Hữu Tình</i>	
25. Nguồn gen cây có củ ở Việt Nam.	140
<i>KS. Trương Văn Hộ</i>	
26. Tài nguyên cây ăn quả ở Việt Nam.	143
<i>GS.TS. Trần Thế Tục</i>	
27. Tập đoàn giống cây ăn quả ở Trung tâm nghiên cứu cây ăn quả Phú Hộ.	145
<i>KS. Lê Đình Danh</i>	
28. Kết quả bước đầu điều tra thu thập và bảo tồn nguồn gen cam quýt.	147
<i>KS. Đỗ Đình Ca</i>	
29. Nghiên cứu và sử dụng tập đoàn giống mía.	155
<i>PTS. Nguyễn Huy Úc</i>	
30. Nghiên cứu và sử dụng tập đoàn giống cà phê.	157
<i>PGS. PTS. Phan Quốc Sùng</i>	
31. Báo cáo tóm tắt công tác nghiên cứu và sử dụng tập đoàn giống bông.	160
<i>KS. Lê Quang Quyến</i>	
32. Tiềm năng phát triển, tình hình xói mòn và các biện pháp kỹ thuật bảo tồn nguồn tài nguyên di truyền các cây có dầu ở Việt Nam.	162
<i>KS. Nguyễn Văn Minh, TS. Phan Liêu</i>	
33. Chất lượng nông sản và TNDTTV ở Việt Nam.	166
<i>GS. Lê Doãn Diên</i>	
34. Công nghệ sinh học trong việc duy trì và sử dụng TNDTTV.	168
<i>TS. Lê Thị Mười, PGS. PTS. Lê Trần Bình</i>	
35. Công nghệ sinh học trong công tác bảo quản nguồn gen cây trồng.	171
<i>PTS. Hồ Hữu Nhi</i>	
36. Chương trình bảo tồn và phát triển nguồn gen lúa DBSCL.	178
<i>ThS. Huỳnh Quang Tín</i>	
37. Vai trò của các cộng đồng nông dân trong việc bảo quản và phát triển TNDTTV.	181
<i>TS. Renato Salazar</i>	
38. Kinh nghiệm nghiên cứu nguồn tài nguyên cây trồng của Viện nghiên cứu khoa học cây trồng toàn Nga (VIR) mang tên Vavilov.N.I. được ứng dụng vào điều kiện Việt Nam.	198
<i>PTS. Lyakhopkin</i>	
39. Tư liệu trong hệ thống TNDTTV.	203
<i>TS. Paul Quek</i>	
40. Kiến nghị của hội thảo "Tăng cường chương trình quốc gia về nguồn TNDTTV ở Việt Nam.	211
<i>GS. Lê Quý An</i>	

LỜI TỰA

Mức độ đa dạng sinh học của hệ thực vật ở Việt Nam, một nước nhỏ trên lục địa châu Á, cao hơn rất nhiều so với dự đoán của nhiều người. Tính đa dạng này đã được phát triển qua một loạt các điều kiện khí hậu và sinh thái nông nghiệp tại nhiều thung lũng, cao nguyên hẻo lánh và cách biệt của đất nước Việt Nam, một nước có lãnh thổ hẹp và trải dài dọc theo bờ biển. Ngay cả ở các vùng đồng bằng sản xuất nông nghiệp, dân cư đông đúc thì những nét đa dạng mang tính địa phương thể hiện trong các loại đất châu thổ và những biến động theo mùa của mực nước và chất lượng nước đã tạo ra sự đa dạng rất lớn về các điều kiện để cây trồng sinh trưởng và phát triển. Người dân Việt Nam từ xưa tới nay đã khai thác triệt để những điều kiện luôn biến động đó, đưa đất nước trở thành một trong những vùng nông nghiệp có mật độ dân cư đông đúc vào bậc nhất thế giới; đồng thời cũng tăng cường mức độ khai phá rừng để chuyển sang sản xuất nông nghiệp.

Nhưng ở Việt Nam, sở dĩ phần nào đạt được đa dạng sinh học cao không chỉ dựa vào đặc điểm cách biệt về mặt địa lý của các vùng núi non và ruộng đồng mà còn nhờ ở lịch sử gần đây của đất nước mình, đã có sự sáng tạo về mặt chính trị và kinh tế. Trong lúc nhiều nước khác trong vùng chỉ chấp nhận một số ít các giống lúa năng suất cao và hy vọng tiêu chuẩn hóa các điều kiện gieo trồng để đạt được năng suất tối đa thì Việt Nam lại dựa vào một bộ giống lúa địa phương phong phú đa dạng và dựa vào kỹ năng chọn giống của những người nông dân địa phương. Trong lúc các nước khác đốn hết rừng để bán gỗ thu lợi nhuận thì rừng Việt Nam, trong một chừng mực nhất định, đã được các địa phương bảo vệ, nhất là những vùng rừng hẻo lánh, hiểm trở.

Việc vẫn hồi hòa bình và hợp tác quốc tế trong vùng, cùng với chính sách mở cửa về kinh tế của Việt Nam để quốc tế vào buôn bán và đầu tư đã mang lại nhiều lợi ích cho nhân dân Việt Nam. Nhưng mặt khác, các hoạt động này cũng đã dẫn đến việc tăng sức ép đối với đa dạng sinh học của Việt Nam. Vì vậy, vấn đề hiện nay là tranh thủ kinh nghiệm và sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế hiện đã có quan hệ với Việt Nam và của các chuyên gia giỏi ở các địa phương đang làm việc tại hàng chục cơ quan nghiên cứu và cơ quan quản lý nhằm đảm bảo chế ngự và kiểm soát các yếu tố bất lợi không lường trước được của chính sách kinh tế mới ở Việt Nam, đảm bảo tồn mức độ đa dạng cao của nguồn tài nguyên di truyền thực vật của đất nước.

Các báo cáo trong cuốn sách này là kết quả của việc thực hiện một dự án do Viện Tài nguyên di truyền thực vật quốc tế (IPGRI) tổ chức, được Canada tài trợ thông qua Cơ quan phát triển quốc tế Canada (CIDA) và Trung tâm nghiên cứu phát triển quốc tế (IDRC). Nhận lời mời của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, IPGRI đã đề xuất việc giúp Việt Nam xây dựng một chiến lược phối hợp các hoạt động về bảo tồn nguồn tài nguyên di truyền thực vật trong một mạng lưới quốc gia, xây dựng trên cơ sở tiềm năng của các cơ quan hữu quan và các mối liên hệ trong hoạt động nghiên cứu hiện nay. Những tiềm năng đó được thể hiện qua các bài trong cuốn sách này, được tuyển chọn từ các báo cáo tham gia tại cuộc hội thảo quốc gia 2 ngày tổ chức trong tháng 3 - 1995 tại Hà Nội nhằm thảo luận kết quả của những hoạt động do IPGRI và các cố vấn chỉ đạo.

Sự khởi xướng này rất kịp thời đối với Việt Nam và đối với cộng đồng khoa học quốc tế. Tổ chức Nông lương (FAO), hệ thống các Viện nghiên cứu cây trồng quốc tế thuộc Nhóm cố vấn nghiên cứu nông nghiệp quốc tế (CGIAR), Chương Trình Môi Trường của Liên Hiệp Quốc, các tổ chức tài chính quốc tế như Ngân hàng thế giới, Quỹ Môi trường toàn cầu của

liên hiệp Ngân hàng thế giới và Chương Trình Phát Triển thuộc Liên Hiệp Quốc (UNDP), cùng các tổ chức phi chính phủ như Liên minh quốc tế bảo vệ thiên nhiên (IUCN) và Quỹ quốc tế về thiên nhiên (WWF), tất cả các tổ chức này đang ngày càng quan tâm đến việc bảo tồn và sử dụng đa dạng sinh học. Chính phủ nhiều nước trên thế giới đã phê chuẩn công ước đa dạng sinh học được thông qua tại hội nghị thượng đỉnh về môi trường và phát triển năm 1992. Mối quan tâm chung về tình trạng xói mòn tính đa dạng sinh học đang dẫn đến việc tăng cường sức ép chính trị trên phạm vi toàn cầu để thúc giục các chính phủ và các nhà khoa học có những hoạt động nhằm đảm bảo cho tương lai của những nguồn tài nguyên di truyền trên hành tinh của chúng ta.

Vào thời điểm mà mối quan tâm quốc tế lớn hơn bao giờ hết, các nhà khoa học có tài năng và kinh nghiệm của Việt Nam đã chọn phương án nêu lên tình hình đặc thù của Việt Nam, thu hút sự quan tâm của cộng đồng khoa học quốc tế đồng thời đề nghị họ giúp đỡ để đáp ứng nhu cầu khẩn thiết của quốc gia về bảo tồn và phát triển. Thông qua việc tăng cường và củng cố sức mạnh của các cơ quan hiện có, Việt Nam có thể trở thành một nguồn đóng góp có ý nghĩa đối với các nỗ lực quốc tế về chính sách và khoa học khẩn thiết nhằm ngăn chặn tình trạng xói mòn nguồn tài nguyên di truyền mang tính sống còn của hành tinh chúng ta. Các báo cáo trong cuốn sách này đã nêu lên những thành tựu và tiềm năng của công việc nghiên cứu tại Việt Nam trên các lĩnh vực có liên quan đến bảo tồn và sử dụng nguồn tài nguyên di truyền thực vật đa dạng. Những lĩnh vực này bao gồm nhiều nội dung được quốc tế ngày càng quan tâm, đó là:

- Bảo tồn và cải tiến các giống cây hoa màu lương thực;
- Sử dụng và bảo tồn các cây thuốc;
- Những cây hoang dại có họ hàng với các giống cây quan trọng;
- Bảo tồn nội vi và phát triển nguồn tài nguyên di truyền của các giống cây lương thực chủ yếu;
- Phát triển và bảo quản ngoại vi nguồn tài nguyên di truyền thực vật trong các ngân hàng hạt giống và thông qua nuôi cấy mô tế bào;

Việc các chuyên gia quốc tế thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau tham gia hội thảo và việc hợp tác nghiên cứu lâu dài giữa các nhà di truyền học cây trồng Việt Nam và Cộng hoà Liên bang Nga đã đặt nền móng vững chắc cho sự mở rộng các hoạt động hợp tác khoa học quốc tế về những vấn đề trên đây và nhiều vấn đề khác có liên quan.

Có rất nhiều cơ hội để tiếp tục các mối quan hệ hợp tác, thông qua IPGRI, các tổ chức quốc tế khác và các tổ chức phi chính phủ, hợp tác giữa các cơ quan khoa học Việt Nam và các cơ quan khoa học quốc tế trên lĩnh vực đa dạng sinh học. Những báo cáo này đã chứng tỏ một cơ sở vững chắc mà chúng ta có thể dựa vào để phát triển các nỗ lực chung.

Chúng tôi đánh giá cao những cố gắng của các điều phối viên dự án phía Việt Nam, GS. Nguyễn Đăng Khôi, PGS Nguyễn Hữu Nghĩa ở Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam trong việc điều phối các hoạt động tại cơ sở và trong việc chuẩn bị cho cuộc hội thảo quốc gia chưa từng có này. Chúng tôi chân thành mong muốn rằng các kiến nghị của hội thảo và của các cố vấn quốc tế sẽ được xem xét kỹ nhằm xây dựng một mạng lưới quốc gia năng động về nguồn tài nguyên di truyền thực vật ở Việt Nam.

TIẾN SĨ STEPHEN R. TYLER.

CỐ VẤN CẤP CAO CỦA CHƯƠNG TRÌNH.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ, SINGAPORE.

TIẾN SỸ KENNETH W. RILEY GIÁM ĐỐC

PHẦN VIỆN TÀI NGUYÊN DI TRUYỀN THỰC VẬT QUỐC TẾ VÙNG CHÂU Á,
THÁI BÌNH DƯƠNG VÀ CHÂU ĐẠI DƯƠNG (IPGRI-APO), SINGAPORE.

LỜI NÓI ĐẦU

Việt Nam là một trong những nước có nhiều tiềm năng về đa dạng sinh học. Các miền khí hậu và các hệ sinh thái đa dạng, những châu thổ phì nhiêu, những cánh rừng và các dãy núi cao góp phần tạo nên sự giàu có tự nhiên của đa dạng sinh học. Quan trọng hơn, Việt Nam còn được phú cho một cộng đồng dân cư có nền văn hóa đa dạng. Chính sự đa dạng về nhân văn này, tác động qua lại với thiên nhiên, đóng vai trò chủ yếu trong việc phát triển và bảo tồn đa dạng sinh học về thực vật. Trong số 12.000 loài thực vật ước tính hiện có ở Việt Nam thì 7.000 loài đã được điều tra và xác định, 2.300 loài đã được sử dụng làm nguồn lương thực, thực phẩm, làm thức ăn gia súc, làm thuốc, lấy gỗ, lấy dầu và các sản phẩm khác. Chắc chắn rằng còn nhiều loài thực vật khác có tiềm năng giá trị rất to lớn. Tuy nhiên, do nhiều lý do khác nhau, nguồn tài nguyên di truyền thực vật của chúng ta đang ngày càng bị mai một. Nhiều loài có giá trị đang có nguy cơ bị biến mất. Việc khai thác quá mức và thiếu tổ chức khoa học - kinh tế các nguồn tài nguyên cây rừng cũng thực sự là một nguy cơ làm xói mòn và thậm chí làm biến mất một số loài cây rừng và cây thuốc quý. Việc thu hẹp cơ sở di truyền chắc chắn sẽ dẫn đến hậu quả là thực vật dễ bị tác hại của sâu bệnh và các stress tự nhiên khác. Vì vậy cần phải khẩn cấp bảo tồn nguồn tài nguyên di truyền thực vật của nước ta để phục vụ cho thế hệ hiện nay và cả thế hệ mai sau.

Chính trên tinh thần này mà dự án "Tăng cường chương trình quốc gia về nguồn tài nguyên di truyền thực vật ở Việt Nam" đã được thực hiện với sự tài trợ của Trung tâm nghiên cứu phát triển quốc tế (IDRC) của Canada và sự giúp đỡ của Viện Tài nguyên di truyền thực vật quốc tế, Viện vùng Châu Á - Thái Bình Dương và Châu Đại Dương.

Để tổng kết hoạt động của dự án, một cuộc hội thảo quốc gia về tăng cường chương trình nguồn tài nguyên di truyền thực vật ở Việt Nam đã được tổ chức, đồng tài trợ bởi Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường và IDRC, và do Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Nghiệp Việt Nam tổ chức tại Hà Nội từ 28 - 30 tháng 3 năm 1995.

Cuốn sách này tập hợp các báo cáo chính đã trình bày tại hội thảo. Ban biên tập đã cố gắng tu chỉnh lại các báo cáo hiện có để thông tin được súc tích hơn và nâng cao chất lượng của tư liệu.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Viện Tài nguyên di truyền thực vật quốc tế (IPGRI) và cơ quan Viện vùng Châu Á - Thái Bình Dương, Châu Đại Dương (IPGRI - APO) về sự hợp tác và giúp đỡ vô giá của Viện. Chúng tôi xin cảm ơn IDRC đã tài trợ cho dự án và cho hội thảo. Chúng tôi xin cảm ơn TS. J. Engels đã đề xuất và soạn thảo văn bản dự án, cảm ơn TS. KW. Riley đã giúp đỡ và tiếp tục phát triển văn bản, theo dõi thực thi, xin cảm ơn TS. Stephen Tyler đã tạo thuận lợi cho việc thực hiện dự án, cảm ơn các TS. David Wood và Renato Salazar, hai cố vấn của dự án đã hết lòng giúp đỡ Việt Nam, cảm ơn TS. Murthi Anishetty, cán bộ cấp cao của FAO trung tâm đã giúp cho nhiều ý kiến chỉ đạo rất có giá trị.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các TS. Kenneth W. Riley, T. V. Ramanatha Rao, TS. Paul Quek ở IPGRI - APO đã giúp đỡ về biên tập và sửa chữa bản thảo.

Chúng tôi xin cảm ơn sự hỗ trợ tài chính của IPGRI để xuất bản tập sách này bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

PGS. PTS. NGUYỄN HỮU NGHĨA

DIỄN VĂN KHAI MẠC HỘI THẢO

GS. LÊ QUÝ AN
THỦ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG

Kính thưa các quý khách.

Kính thưa các vị đại biểu,

Trước hết, xin cho phép tôi được thay mặt Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường (KHCCNT) và các Bộ hữu quan gửi lời chào mừng nồng nhiệt đến tất cả các vị khách quý đến dự Hội thảo về Tăng cường chương trình nguồn tài nguyên di truyền thực vật ở Việt Nam. Sự tham gia nhiệt tình của các vị khách đã chứng tỏ mối quan tâm chung của chúng ta đối với lĩnh vực này.

Gần đây, trên phạm vi quốc tế, người ta ngày càng quan tâm đến việc bảo vệ đa dạng sinh học vì đây là vấn đề sống còn của nhân loại, đặc biệt khi mà môi trường ngày càng bị xấu đi. Tại Hội nghị thượng đỉnh của Liên hiệp quốc về môi trường và phát triển (UNCED) họp tại Rio de Janeiro (Braxin) năm 1992, Công ước đa dạng sinh học và Chương trình nghị sự 21 đã được nhất trí thông qua. Mục tiêu cơ bản của Công ước là tăng cường việc bảo quản một cách có hiệu quả và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên sinh học nhằm đưa các tài nguyên này vào sử dụng không chỉ cho hiện tại mà còn cho phép các thế hệ tương lai cũng có nhiều cơ hội để khai thác và sử dụng có hiệu quả.

Đa dạng sinh học thể hiện ở 3 mức độ: hệ sinh thái, loài (giữa các loài) và di truyền (trong phạm vi từng loài), mức độ đa dạng của nguồn tài nguyên di truyền thực vật (TNDTTV) được coi là yếu tố quan trọng nhất của đa dạng sinh học bởi vì thực vật cấu thành nền tảng của cuộc sống trên hành tinh này và cũng là nền tảng của hoạt động sản xuất nông nghiệp. Nguồn TNDT cây rừng và cây thuốc bao gồm sự đa dạng của các thực vật được thuần hóa hoặc được trồng trọt, cả các cây hoang dại đã được con người khai thác lâu nay, cùng những cây có họ hàng với cây trồng. Giá trị của các loài thực vật này đã được khai thác từ rất lâu đời trong quá trình cải tiến các giống cây trồng. Ngày nay những nguồn tài nguyên này là hết sức cần thiết để phát triển cuộc cách mạng sinh học và công nghệ sinh học hiện đại.

Trong một chừng mực nhất định, chính phủ Việt Nam đã quan tâm đến việc bảo tồn đa dạng sinh học nói chung, bảo tồn nguồn TNDTTV nói riêng. Năm 1987, Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước, nay là Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, phối hợp với các Viện nghiên cứu, Trường đại học và các cơ quan khoa học hữu quan khác, đã tổ chức một số cuộc hội thảo nhằm xem xét sự phát triển của các chương trình bảo tồn nguồn TNDT cây nông nghiệp, cây thuốc và cây rừng. Tuy chưa đáp ứng được tất cả mọi yêu cầu nhưng Ủy ban cũng đã cấp kinh phí và trang thiết bị để phát triển lĩnh vực TNDTTV. Đã xây dựng được nhiều tập đoàn các cây nông nghiệp, cây rừng và cây thuốc. Nhiều chương trình nghiên cứu đã được tiến hành để sử dụng nguồn tài nguyên này vào việc cải tiến giống, đặc biệt là chọn tạo giống đề kháng với các "stress" sinh học và phi sinh học. Ở Việt Nam cũng như ở nhiều nước khác, đúng như bản Công ước đa dạng sinh học đã khẳng định, trong lúc mà ngày càng

có nhiều nguy cơ dẫn đến xói mòn nguồn TNDTTV thì những nỗ lực để bảo tồn, phát triển và sử dụng chúng một cách bền vững lại rất hiếm, rất thiếu cán bộ và thiếu trang thiết bị cần thiết.

Vì vậy, một trong những mục đích của cuộc Hội thảo này chính là để đánh giá tầm quan trọng và mức độ đa dạng của nguồn TNDTTV hiện có ở Việt Nam, xác định những nguy cơ dẫn đến mai một nguồn tài nguyên này, đồng thời xây dựng các chiến lược bảo tồn và sử dụng bền vững nhằm phục vụ phát triển sản xuất.

Bảo tồn nguồn TNDTTV để sử dụng một cách bền vững là một công việc phức tạp. Đây là nhiệm vụ của nhiều cơ quan, nhiều ngành. Cần có một mạng lưới điều phối công việc có hiệu quả hơn, mạnh hơn. Phải phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan hữu quan để cải tiến việc bảo tồn và sử dụng nguồn TNDTTV, tránh sự trùng lặp không cần thiết. Chúng ta phải phát triển một hệ thống quốc gia về nguồn TNDTTV phù hợp với điều kiện và cơ cấu tổ chức, quản lý đặc thù của nước ta. Chúng ta cũng phải đề xuất với Nhà nước xem xét các quy định hiện hành và đề xuất các kế hoạch, các chương trình dài hạn (ít nhất là đến năm 2000) chính sách và cơ chế tài chính thích hợp nhằm tăng cường khả năng của cả nước, bảo tồn một cách có hiệu quả và sử dụng bền vững nguồn TNDTTV hiện có ở nước ta.

Theo Công ước đa dạng sinh học, các quốc gia đều có chủ quyền đối với nguồn tài nguyên di truyền thuộc quốc gia mình, vì vậy từng nước đều có trách nhiệm bảo tồn, nghiên cứu và sử dụng nguồn TNDTTV trong nước mình vì lợi ích của thế hệ ngày nay và thế hệ mai sau. Vì vậy chúng ta phải tham gia các mạng lưới toàn cầu và khu vực về bảo quản nội vi và ngoại vi nguồn TNDTTV, tham gia các mạng lưới thông tin quốc tế và vùng về TNDTTV. Các nước tham gia ký kết công ước đều cam kết nỗ lực để bảo tồn một cách có hiệu quả và sử dụng bền vững các yếu tố của đa dạng sinh học. Công ước đã trở thành một công cụ pháp lý có vai trò rất quan trọng trong việc đề ra các hướng ưu tiên và điều phối các hoạt động của chương trình quốc gia và của các tổ chức quốc tế nhằm bảo tồn đa dạng sinh học để sử dụng bền vững trên khắp thế giới. Công ước cũng đưa ra những nguyên tắc nhằm trao đổi một cách công bằng và hợp lý các lợi ích từ việc bảo tồn, phát triển nghiên cứu và sử dụng các nguồn tài nguyên di truyền, có chú ý đến chủ quyền quốc gia của các vật liệu di truyền và bản quyền sáng chế phát minh. Các bên tham gia ký kết công ước cũng nhất trí cam kết tài trợ đến mức tối đa cho các chương trình quốc gia và sử dụng các quỹ phát triển quốc tế và các khoản vốn khác một cách có hiệu quả để tạo thuận lợi cho các nước đang phát triển có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo tồn nguồn TNDTTV.

Ngày nay Việt Nam đang áp dụng chính sách mở cửa về kinh tế với thế giới. Trong lĩnh vực quản lý nguồn TNDTTV, chúng ta cần phát triển mối quan hệ hợp tác với các nước trong khu vực và trên toàn thế giới.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Trung tâm nghiên cứu phát triển quốc tế (IDRC) của Canada đã tài trợ cho dự án Tăng cường chương trình quốc gia về nguồn TNDTTV ở Việt Nam. Chúng tôi xin cảm ơn các chuyên gia của Viện quốc tế về TNDTTV, bộ phận phụ trách vùng Châu Á - Thái Bình Dương (IPGRI - APO) đã nhiệt tình giúp đỡ và hợp tác trong quá trình thực hiện dự án này. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các nhà khoa học Việt Nam đã tích cực đóng góp vào việc thực hiện dự án, tham gia các hoạt động về TNDTTV ở Việt Nam và tới dự cuộc hội thảo này.

Xin cảm ơn tất cả các vị khách và các đại biểu.

BÁO CÁO CỦA BAN CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

GS. PTS. NGUYỄN DẰNG KHÔI
VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

A- NHẬP ĐỀ

Tài nguyên di truyền thực vật (TNDTTV) có ý nghĩa quan trọng trong việc cung cấp vật liệu khởi thủy cho các chương trình chọn tạo giống, đặc biệt là các nguồn gen có khả năng chống chịu sâu bệnh hại và các điều kiện ngoại cảnh bất lợi khác, cũng như những phẩm chất dinh dưỡng và chế biến đặc biệt. Do tác động của nhiều yếu tố, nhất là những thành tựu của cách mạng xanh và của các công tác nghiên cứu sinh học khác, sự phát triển của sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp cũng như mối quan tâm ngày càng lớn về việc phát triển bền vững trong tương lai, vấn đề này ngày càng được quan tâm đặc biệt.

1. HOẠT ĐỘNG VỀ TNDTTV TRÊN THẾ GIỚI

Trong mấy thập kỷ qua, lĩnh vực tài nguyên di truyền thực vật (TNDTTV) ngày càng được phát triển. Các sự kiện có ý nghĩa quan trọng nhất là Hội Nghị về Môi trường và Con người lần đầu tiên của Liên hợp quốc, được tổ chức tại Stockholm năm 1972, việc thành lập các ngân hàng gen cây trồng ở 9 trung tâm nghiên cứu quốc tế dưới sự bảo trợ của nhóm Tư vấn nghiên cứu Nông Nghiệp thế giới (CGLAR), và việc thành lập Ban Tài nguyên di truyền thực vật quốc tế (IBPGR) năm 1974.

Năm 1983, FAO đã phát triển một hệ thống toàn cầu về TNDTTV, bao gồm một công cụ pháp lý - bản cam kết quốc tế về TNDTTV (do 102 nước ký), một diễn đàn đa quốc gia về TNDTTV - Hội đồng đa quốc gia về TNDTTV (gồm 128 nước thành viên), và một cơ chế tài chính - Quỹ Tài Chính Quốc Tế dành cho TNDTTV.

Tại Hội nghị thượng đỉnh của Liên hợp quốc về Môi trường và phát triển năm 1992, hơn 150 nước đã ký vào Công ước đa dạng sinh học. Sau khi được phê chuẩn bởi hơn 30 nước, Công ước đã trở thành một công cụ pháp lý để bảo tồn đa dạng sinh học nói chung và TNDTTV nói riêng.

Công tác bảo quản, bảo tồn TNDTTV đã được phát triển ở rất nhiều nước trên thế giới. Nếu năm 1975 chỉ có dưới 10 nước có chương trình thu thập bảo quản thì đến năm 1991 đã có trên 100 nước có chương trình quốc gia, 26 nước có một tập đoàn loài cây trồng, 45 nước có từ 2-5 tập đoàn và 48 nước có trên 6 tập đoàn. Tổng số hiện nay trên thế giới có trên 1500 khu bảo tồn *in situ*, 195 Viện có các kho bảo quản lạnh dài hạn, 242 Viện có kho bảo quản trung hạn và 23 Viện có ngân hàng gen *in vitro*, và toàn bộ có trên 4,2 triệu mẫu giống của các loài cây trồng đã được thu thập và bảo quản.

2. HOẠT ĐỘNG VỀ TNDTTV TRONG NƯỚC

Ở nước ta, từ những năm 1950 đã có sự quan tâm đến vấn đề TNDTTV, nhưng mới chỉ